

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP
GIỮA NIÊN ĐỘ**

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2014

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG QUY NHƠN



MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 4
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	5
4. Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2014	6 - 9
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014	10
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014	11 - 12
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014	13 - 31

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được kiểm toán.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Công ty TNHH Một thành viên Cảng Quy Nhơn theo Quyết định số 103/QĐ – HHVN ngày 15 tháng 03 năm 2013 của Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 4100258793 ngày 01 tháng 11 năm 2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định cấp.

Vốn điều lệ : 404.099.500.000 VND

Cổ đông	Vốn góp (VND)	Tỷ lệ (%)
Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam	303.122.620.000	75,01
Công ty Cổ phần Đầu tư và Khoáng sản Hợp Thành	50.339.240.000	12,46
Các cổ đông khác	50.637.640.000	12,53
Cộng	404.099.500.000	100,00

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : Số 02 Phan Chu Trinh - Thành phố Quy Nhơn - Tỉnh Bình Định
Điện thoại : (056) 3 892 363
Fax : (056) 3 891 783
Mã số thuế : 4 1 0 0 2 5 8 7 9 3

Các đơn vị trực thuộc:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Xí nghiệp kinh doanh dịch vụ tổng hợp – Chi nhánh Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn	Số 02 Phan Chu Trinh – Thành phố Quy Nhơn – Tỉnh Bình Định
Xí nghiệp xếp dỡ II – Chi nhánh Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn	Số 02 Phan Chu Trinh – Thành phố Quy Nhơn – Tỉnh Bình Định
Xí nghiệp sửa chữa cơ khí – Chi nhánh Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn	Số 02 Phan Chu Trinh – Thành phố Quy Nhơn – Tỉnh Bình Định
Xí nghiệp Xây dựng công trình – Chi nhánh Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn	Số 02 Phan Chu Trinh – Thành phố Quy Nhơn – Tỉnh Bình Định

Hoạt động kinh doanh của Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn theo Giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp là: Kinh doanh dịch vụ cảng và bến cảng; Dịch vụ đưa đón tàu ra vào cảng, hỗ trợ, lai dắt tàu biển; Kinh doanh kho bãi, kho ngoại quan; Bốc xếp hàng hóa; Dịch vụ giao nhận hàng hóa; Đại lý vận tải hàng hóa, đại lý tàu biển, đại lý vận tải thủy bộ, vận tải đa phương thức; Dịch vụ ăn uống, cung ứng lương thực, thực phẩm cho tàu biển; Mua bán vật tư, thiết bị phục vụ khai thác cảng và kinh doanh xuất nhập khẩu; Đại lý kinh doanh xăng, dầu; Gia công cơ khí; Sản xuất các sản phẩm cơ khí; Sửa chữa máy móc, thiết bị; Sửa chữa phương tiện vận tải đường bộ; Sửa chữa phương tiện vận tải thủy; San lấp mặt bằng; Xây dựng, sửa chữa cầu cảng; Gia công lắp ghép các bộ phận của cầu và bến cảng; Xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp; Sản xuất đồ gỗ.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG QUY NHƠN
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính tổng hợp đính kèm báo cáo này (từ trang 06 đến trang 31).

Sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Thực hiện văn bản số 1636/BGTVT-QLDN ngày 19/02/2014 của Bộ Giao thông Vận tải về việc chỉ đạo Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam bán tiếp cổ phần nhà nước tại Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn theo chủ trương của Thủ tướng Chính phủ tại văn bản số 747/TTg-ĐMDN ngày 27/05/2013, Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam sẽ chuyển nhượng phần vốn đầu tư để giảm tỷ lệ vốn đầu tư từ 75,01% xuống còn 49% vốn điều lệ. Hiện tại, Công ty đang thực hiện những thủ tục cần thiết để tiến hành chuyển nhượng vốn theo quy định.

Ngoài sự kiện nêu trên, Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 30 tháng 06 năm 2014 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Hội đồng quản trị và Ban điều hành của Công ty trong kỳ này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Nguyễn Quý Hà	Chủ tịch	28 tháng 10 năm 2013
Nguyễn Hữu Phúc	Thành viên	28 tháng 10 năm 2013
Lê Minh Tiến	Thành viên	28 tháng 10 năm 2013
Trần Hoài Nam	Thành viên	28 tháng 10 năm 2013
Huỳnh Tấn Quy Nhơn	Thành viên	28 tháng 10 năm 2013
Phạm Xuân Quốc	Thành viên	28 tháng 10 năm 2013
Lê Hồng Thái	Thành viên	28 tháng 10 năm 2013

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Lê Thị Phê	Trưởng ban	28 tháng 10 năm 2013
Nguyễn Thành Nam	Thành viên	28 tháng 10 năm 2013
Lê Văn Sỹ	Thành viên	28 tháng 10 năm 2013

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Nguyễn Hữu Phúc	Tổng Giám đốc	06 tháng 11 năm 2013
Lê Minh Tiến	Phó Tổng Giám đốc	06 tháng 11 năm 2013
Huỳnh Tấn Quy Nhơn	Phó Tổng Giám đốc	06 tháng 11 năm 2013
Nguyễn Kim Toàn	Quyền Kế toán trưởng	06 tháng 11 năm 2013

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty. Trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc phải:

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG QUY NHƠN
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Nêu rõ chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính tổng hợp;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ; các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ được lập tuân thủ các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ đính kèm. Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và các luồng lưu chuyển tiền tệ tổng hợp trong 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014, phù hợp với các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.



Nguyễn Hữu Phúc
Tổng Giám đốc

Ngày 30 tháng 08 năm 2014



**BAKER TILLY
A&C**

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN A&C
A&C AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.



Headquarters : 2 Trương Sơn St., W. 2, Tân Bình Dist., Ho Chi Minh City
Tel: (84.8) 3 5472972 - Fax: (84.8) 3 5472970
Branch in Ha Noi : 40 Giang Vo St., Dong Da Dist., Ha Noi City
Branch in Nha Trang: 18 Trần Khanh Du St., Nha Trang City
Branch in Can Tho : 162C/4 Trần Ngọc Que St., Can Tho City
www.a-c.com.vn



Số: 118/2014/BCTC-KTTV

**BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT
VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ
6 THÁNG ĐẦU CỦA NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2014
CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG QUY NHƠN**

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG QUY NHƠN**

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn gồm: Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014, được lập ngày 25 tháng 8 năm 2014, từ trang 06 đến trang 31 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo nhận xét về Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ không còn chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ đính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

**Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C
Chi nhánh Nha Trang**



(Handwritten signature)

(Handwritten signature)

Nguyễn Văn Kiên – Giám đốc
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0192-2013-008-1

Hàng Quỳnh Hạnh - Kiểm toán viên
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0963-2013-008-1

Nha Trang, ngày 30 tháng 08 năm 2014

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG QUY NHƠN

Địa chỉ: Số 02 đường Phan Chu Trinh - Thành phố Quy Nhơn - Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2014

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		158.621.938.880	123.488.467.165
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	48.929.794.209	31.674.673.767
1. Tiền	111		12.904.554.209	22.449.433.767
2. Các khoản tương đương tiền	112		36.025.240.000	9.225.240.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		22.200.000.000	15.700.000.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121	V.2	22.200.000.000	15.700.000.000
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		76.818.325.045	72.434.195.404
1. Phải thu khách hàng	131	V.3	74.851.951.796	60.607.682.208
2. Trả trước cho người bán	132	V.4	1.266.587.653	4.502.808.951
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.5	2.214.387.012	8.838.305.661
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(1.514.601.416)	(1.514.601.416)
IV. Hàng tồn kho	140		7.302.863.767	3.437.966.233
1. Hàng tồn kho	141	V.6	7.302.863.767	3.437.966.233
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		3.370.955.859	241.631.761
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7	2.849.223.773	-
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.8	11.299.170	37.538.845
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	158		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.9	510.432.916	204.092.916

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG QUY NHƠN

Địa chỉ: Số 02 đường Phan Chu Trinh - Thành phố Quy Nhơn - Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		334.898.807.297	345.489.894.239
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		306.842.674.451	324.722.936.088
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	298.979.168.379	319.517.968.022
<i>Nguyên giá</i>	222		833.220.152.246	823.962.471.326
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(534.240.983.867)	(504.444.503.304)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.11	2.386.576.345	1.053.489.666
<i>Nguyên giá</i>	228		4.934.062.625	3.242.034.725
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(2.547.486.280)	(2.188.545.059)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.12	5.476.929.727	4.151.478.400
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
<i>Nguyên giá</i>	241		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		27.075.920.000	19.467.920.000
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.13	27.075.920.000	19.467.920.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		980.212.846	1.299.038.151
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.14	973.012.846	1.296.838.151
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268	V.15	7.200.000	2.200.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		493.520.746.177	468.978.361.404

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG QUY NHƠN

Địa chỉ: Số 02 đường Phan Chu Trinh - Thành phố Quy Nhơn - Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		67.675.085.916	62.272.392.725
I. Nợ ngắn hạn	310		67.675.085.916	62.272.392.725
1. Vay và nợ ngắn hạn	311		-	-
2. Phải trả người bán	312	V.16	5.681.344.890	7.473.631.875
3. Người mua trả tiền trước	313	V.17	1.789.659.790	1.095.671.830
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.18	3.992.915.896	3.980.180.487
5. Phải trả người lao động	315	V.19	34.685.440.810	14.001.030.949
6. Chi phí phải trả	316	V.20	16.784.343.515	13.151.723.816
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.21	1.396.437.565	18.777.097.918
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.22	3.344.943.450	3.793.055.850
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
II. Nợ dài hạn	330		-	-
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334		-	-
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		425.845.660.261	406.705.968.679
I. Vốn chủ sở hữu	410		425.845.660.261	406.705.968.679
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.23	404.099.500.000	404.099.500.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		-	-
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		-	-
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	V.23	21.746.160.261	2.606.468.679
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		493.520.746.177	468.978.361.404

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG QUY NHƠN

Địa chỉ: Số 02 đường Phan Chu Trinh - Thành phố Quy Nhơn - Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công	V.24	81.729.332	81.729.332
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại:			
Dollar Mỹ (USD)		154.057,31	153.870,53
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Quy Nhơn, ngày 25 tháng 08 năm 2014



Nguyễn Kim Toàn
Người lập biểu



Nguyễn Kim Toàn
Quyền kế toán trưởng



Nguyễn Hữu Phúc
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG QUY NHƠN

Địa chỉ: Số 02 đường Phan Chu Trinh - Thành phố Quy Nhơn - Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

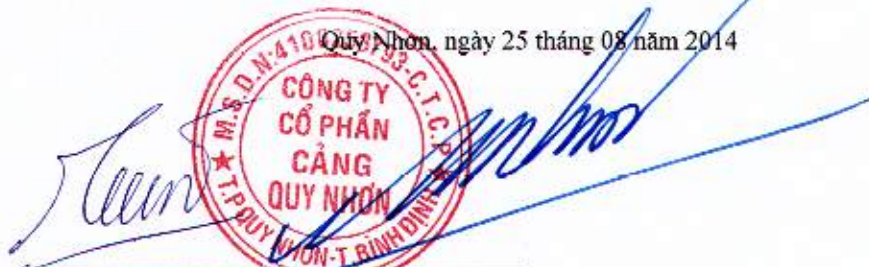
(Dạng đầy đủ)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	246.216.376.659	-
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		605.041.864	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	245.611.334.795	-
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	199.660.964.642	-
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		45.950.370.153	-
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	2.094.828.060	-
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	86.576.496	-
Trong đó: chi phí lãi vay	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5	6.779.148.803	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	18.388.127.412	-
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		22.791.345.502	-
11. Thu nhập khác	31	VI.7	2.276.785.242	-
12. Chi phí khác	32	VI.8	824.016.789	-
13. Lợi nhuận khác	40		1.452.768.453	-
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		24.244.113.955	-
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.18	5.104.4	-
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>19.139.691.583</u>	-
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		<u>468</u>	-

Quy Nhơn, ngày 25 tháng 08 năm 2014


Nguyễn Kim Toàn
Người lập biểu

Nguyễn Hữu Phúc
Tổng Giám đốcNguyễn Kim Toàn
Quyền kế toán trưởng

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG QUY NHƠN

Địa chỉ: Số 02 đường Phan Chu Trinh - Thành phố Quy Nhơn - Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

(Theo phương pháp gián tiếp)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		24.244.113.955	-
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02	V.10, 11	30.773.981.045	-
- Các khoản dự phòng	03		-	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	VI.3	(142.886.194)	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(1.739.264.032)	-
- Chi phí lãi vay	06		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		53.135.944.774	-
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(4.456.905.994)	-
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	V.6	(3.864.897.534)	-
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		4.059.332.262	-
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(2.055.290.806)	-
- Tiền lãi vay đã trả	13		-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	V.18	(3.310.473.445)	-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		31.515.599	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(574.947.999)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		42.964.276.857	-
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.10, 11	(13.366.302.669)	-
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	V.2	(6.500.000.000)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25	V.13	(7.608.000.000)	-
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	VI.3	1.731.486.254	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(25.742.816.415)	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG QUY NHƠN

Địa chỉ: Số 02 đường Phan Chu Trinh - Thành phố Quy Nhơn - Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		-	-
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		-	-
5. Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		-	-
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		17.221.460.442	-
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	31.674.673.767	-
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		33.660.000	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	48.929.794.209	-

Quy Nhơn, ngày 25 tháng 08 năm 2014

Nguyễn Kim Toàn
Người lập biểu

Nguyễn Kim Toàn
Quyền kế toán trưởng



Nguyễn Hữu Phúc
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG QUY NHƠN

Địa chỉ: Số 02 đường Phan Chu Trinh – Thành phố Quy Nhơn – Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. **Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần
2. **Lĩnh vực kinh doanh** : Dịch vụ, Xây dựng
3. **Ngành nghề kinh doanh** : Kinh doanh dịch vụ cảng và bến cảng; Dịch vụ đưa đón tàu ra vào cảng, hỗ trợ, lai dắt tàu biển; Kinh doanh kho bãi, kho ngoại quan; Bốc xếp hàng hóa; Dịch vụ giao nhận hàng hóa; Đại lý vận tải hàng hóa, đại lý tàu biển, đại lý vận tải thủy bộ, vận tải đa phương thức; Dịch vụ ăn uống, cung ứng lương thực, thực phẩm cho tàu biển; Mua bán vật tư, thiết bị phục vụ khai thác cảng và kinh doanh xuất nhập khẩu; Đại lý kinh doanh xăng, dầu; Gia công cơ khí; Sản xuất các sản phẩm cơ khí; Sửa chữa máy móc, thiết bị; Sửa chữa phương tiện vận tải đường bộ; Sửa chữa phương tiện vận tải thủy; San lấp mặt bằng; Xây dựng, sửa chữa cầu cảng; Gia công lắp ghép các bộ phận của cầu và bến cảng; Xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp; Sản xuất đồ gỗ.
4. **Nhân viên:**
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2014 Công ty có 819 nhân viên đang làm việc (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 821 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. **Năm tài chính**
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Riêng năm tài chính đầu tiên của Công ty dưới hình thức công ty Cổ phần bắt đầu từ ngày 01 tháng 11 năm 2013 và kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.
2. **Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. **Chế độ kế toán áp dụng**
Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG QUY NHƠN

Địa chỉ: 02 đường Phan Chu Trinh – Thành phố Quy Nhơn – Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức nhật ký chung trên máy vi tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính tổng hợp

Báo cáo tài chính tổng hợp được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Các đơn vị trực thuộc hình thành bộ máy kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính tổng hợp của toàn Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc. Doanh thu và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

3. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

4. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp nhập trước xuất trước và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG QUY NHƠN

Địa chỉ: 02 đường Phan Chu Trinh – Thành phố Quy Nhơn – Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trong năm.

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	04 - 20
Máy móc và thiết bị	06 - 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 12
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 07

6. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Công ty là phần mềm vi tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng từ 3 – 5 năm.

7. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp đến việc xây dựng nhà xưởng chưa hoàn thành và chưa lắp đặt xong. Các tài sản đang trong quá trình xây dựng cơ bản dở dang và lắp đặt không được tính khấu hao.

8. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán, công ty con, công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được ghi nhận theo giá gốc. Tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

9. Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 02 năm.

Lợi thế kinh doanh

Lợi thế kinh doanh được ghi nhận theo số liệu Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp tại thời điểm ngày 31 tháng 03 năm 2013 của Công ty TNHH Một thành viên Cảng Quy Nhơn. Lợi thế kinh doanh được phân bổ trong 02 năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG QUY NHƠN

Địa chỉ: 02 đường Phan Chu Trinh – Thành phố Quy Nhơn – Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

10. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ.

11. Trợ cấp thôi việc và bảo hiểm thất nghiệp

Công ty phải chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động có thời gian làm việc tại Công ty từ 12 tháng trở lên tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 với mức chi trả bằng $\frac{1}{2}$ tháng lương bình quân làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội của sáu tháng liền kề trước thời điểm thôi việc cho 1 năm làm việc.

Theo Luật bảo hiểm xã hội, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 Công ty phải đóng quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do cơ quan Bảo hiểm xã hội Việt Nam quản lý với tỷ lệ 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của người lao động hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ qui định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp Công ty không phải trả trợ cấp thôi việc cho thời gian làm việc của người lao động từ ngày 01 tháng 01 năm 2009.

Trợ cấp thôi việc được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp khi chi trả cho người lao động.

12. Nguồn vốn kinh doanh

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

13. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

14. Trích lập các quỹ

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo quy định. Tỷ lệ trích lập các quỹ do Đại hội đồng cổ đông quyết định theo đề nghị của Hội đồng quản trị.

15. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất áp dụng tại ngày cuối kỳ. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG QUY NHƠN

Địa chỉ: 02 đường Phan Chu Trinh – Thành phố Quy Nhơn – Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

16. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được qui đổi theo tỷ giá tại ngày kết thúc năm tài chính.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch của ngân hàng thương mại nơi Công ty có giao dịch phát sinh. Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm là tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại hoặc tỷ giá mua vào bình quân của các ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi tại thời điểm ngày: 31/12/2013: 21.082 VND/USD
30/06/2014: 21.300 VND/USD

17. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hóa

Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu cũng như quyền quản lý hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua, và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

18. Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty gồm các nhóm: các khoản phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG QUY NHƠN

Địa chỉ: 02 đường Phan Chu Trinh – Thành phố Quy Nhơn – Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Các khoản phải thu

Các khoản phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dùng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh được xác định theo giá hợp lý, các tài sản tài chính khác được ghi nhận theo giá mua cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

19. Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm các khoản phải trả người bán, các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

20. Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG QUY NHƠN

Địa chỉ: 02 đường Phan Chu Trinh – Thành phố Quy Nhơn – Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

21. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

22. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VII.2

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	360.043.016	436.624.527
Tiền gửi ngân hàng	12.544.511.193	22.012.809.240
Các khoản tương đương tiền	36.025.240.000	9.225.240.000
Cộng	<u>48.929.794.209</u>	<u>31.674.673.767</u>

2. Đầu tư ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền gửi có kỳ hạn từ trên 3 tháng đến 1 năm	12.200.000.000	5.700.000.000
Cho Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam vay	10.000.000.000	10.000.000.000
Cộng	<u>22.200.000.000</u>	<u>15.700.000.000</u>

3. Phải thu của khách hàng

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Khách hàng tại Công ty	43.947.051.995	36.777.518.887
Khách hàng tại Xí nghiệp Dịch vụ	29.409.781.955	22.955.453.096
Khách hàng tại Xí nghiệp Công trình	129.400.000	499.353.665
Khách hàng tại Xí nghiệp Cơ khí	1.365.717.846	375.356.560
Cộng	<u>74.851.951.796</u>	<u>60.607.682.208</u>

4. Trả trước cho người bán

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Khách hàng tại Công ty	936.187.653	3.262.808.951
Khách hàng tại Xí nghiệp dịch vụ	330.400.000	1.240.000.000
Cộng	<u>1.266.587.653</u>	<u>4.502.808.951</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG QUY NHƠN

Địa chỉ: 02 đường Phan Chu Trinh – Thành phố Quy Nhơn – Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

5. Các khoản phải trả khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu cổ phần hóa	-	6.639.604.160
Lãi cho Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam vay	2.123.333.334	2.115.555.556
Các khoản phải thu khác	91.053.678	83.145.945
Cộng	<u>2.214.387.012</u>	<u>8.838.305.661</u>

6. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nguyên liệu, vật liệu	5.410.900.956	2.558.037.201
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	1.450.682.881	466.228.855
Hàng hóa	441.279.930	413.700.177
Cộng	<u>7.302.863.767</u>	<u>3.437.966.233</u>

7. Chi phí trả trước ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí công cụ dụng cụ	32.827.133	-
Chi phí trang phục	2.672.063.333	-
Chi phí khác	144.333.307	-
Cộng	<u>2.849.223.773</u>	<u>-</u>

8. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước

Là thuế thu nhập cá nhân nộp thừa.

9. Tài sản ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tạm ứng	300.512.916	84.492.916
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	209.920.000	119.600.000
Cộng	<u>510.432.916</u>	<u>204.092.916</u>

10. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	<u>Nhà cửa, vật kiến trúc</u>	<u>Máy móc và thiết bị</u>	<u>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</u>	<u>Thiết bị, dụng cụ quản lý</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá					
Số đầu năm	526.133.116.996	8.031.991.796	287.701.802.279	2.095.560.255	823.962.471.326
Tăng trong kỳ	7.088.283.453	2.851.692.645	284.240.040	-	10.224.216.138
Mua sắm mới	-	1.527.272.727	-	-	1.527.272.727
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	7.088.283.453	1.324.419.918	284.240.040	-	8.696.943.411
Phân loại sang CCDC	(103.798.865)	(204.215.408)	(205.325.000)	(453.195.945)	(966.535.218)
Số cuối kỳ	<u>533.117.601.584</u>	<u>10.679.469.033</u>	<u>287.780.717.319</u>	<u>1.642.364.310</u>	<u>833.220.152.246</u>

Trong đó:

Đã khấu hao hết
vẫn còn sử dụng

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG QUY NHƠN

Địa chỉ: 02 đường Phan Chu Trinh – Thành phố Quy Nhơn – Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

	<u>Nhà cửa, vật kiến trúc</u>	<u>Máy móc và thiết bị</u>	<u>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</u>	<u>Thiết bị, dụng cụ quản lý</u>	<u>Cộng</u>
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	339.263.700.455	4.173.190.943	159.695.309.951	1.312.301.955	504.444.503.304
Khấu hao trong kỳ	16.410.506.649	557.084.407	13.298.950.828	153.030.242	30.419.572.126
Giảm trong kỳ	(57.978.721)	(96.564.526)	(146.026.266)	(296.401.507)	(623.091.563)
<i>Phân loại sang</i>					
CCDC	(57.978.721)	(96.564.526)	(146.026.266)	(296.401.507)	(596.971.020)
Giảm khác	-	(26.120.543)	-	-	(26.120.543)
Số cuối kỳ	355.616.228.383	4.633.710.824	172.848.234.513	1.168.930.690	534.240.983.867
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	186.869.416.541	3.858.800.853	128.006.492.328	783.258.300	319.517.968.022
Số cuối kỳ	177.501.373.201	6.045.758.209	114.932.482.806	473.433.620	298.979.168.379
<i>Trong đó:</i>					
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-

11. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình là phần mềm vi tính

	<u>Nguyên giá</u>	<u>Giá trị hao mòn</u>	<u>Giá trị còn lại</u>
Số đầu năm	3.242.034.725	2.188.545.059	1.053.489.666
Tăng trong kỳ	1.737.450.000	354.408.919	-
Tăng khác	-	26.120.543	-
Phân loại sang CCDC	(45.422.100)	(21.588.241)	-
Số cuối kỳ	4.934.062.625	2.547.486.280	2.386.576.345

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Chi phí phát sinh trong kỳ</u>	<u>Kết chuyển vào TSCĐ trong kỳ</u>	<u>Kết chuyển giảm khác</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Mua sắm tài sản cố định	1.216.215.000	3.136.644.090	(2.111.950.000)	-	2.240.909.090
XDCB dở dang	2.750.537.748	8.702.385.852	(8.137.717.759)	(79.185.204)	3.236.020.637
- Công trình đường nội bộ, bãi hàng, bãi công nghệ (giai đoạn 2)	-	3.236.020.637	-	-	3.236.020.637
- Công trình cải tạo nâng cấp mở rộng kho 6	1.827.797.273	2.493.483.637	(4.321.280.910)	-	-
- Bãi chứa hàng container lạnh	922.740.475	-	(922.740.475)	-	-
- Bãi bê tông sau văn phòng trung tâm	-	1.439.321.818	(1.439.321.818)	-	-
- Hệ thống điện lưới container kho lạnh	-	949.919.918	(949.919.918)	-	-
- Các công trình khác	-	583.639.842	(504.454.638)	(79.185.204)	-
Sửa chữa lớn tài sản cố định	184.725.652	-	(184.725.652)	-	-
Cộng	4.151.478.400	11.839.029.942	(10.434.393.411)	(79.185.204)	5.476.929.727

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG QUY NHƠN

Địa chỉ: 02 đường Phan Chu Trinh – Thành phố Quy Nhơn – Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

13. Đầu tư dài hạn khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Đầu tư cổ phiếu				
- Công ty Cổ phần Tân cảng Quy Nhơn	1.800.000	18.000.000.000	1.800.000	18.000.000.000
- Công ty Cổ phần Chứng khoán Maritime Bank	146.792	1.467.920.000	174.655	1.467.920.000
- Công ty Cổ phần Dịch vụ Công nghiệp Hàng Hải	240.000	7.608.000.000	-	-
Cộng	2.186.792	27.075.920.000	1.974.655	19.467.920.000

14. Chi phí trả trước dài hạn

	Số đầu năm	Tăng trong kỳ	Kết chuyển vào chi phí trong kỳ	Số cuối kỳ
Chi phí công cụ dụng cụ	503.281.781	499.233.821	(596.328.733)	406.186.869
Lợi thế kinh doanh	793.556.370	-	(226.730.393)	566.825.977
Cộng	1.296.838.151	499.233.821	(823.059.126)	973.012.846

15. Tài sản dài hạn khác

Ký quỹ, ký cược dài hạn.

16. Phải trả cho người bán

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả người bán tại Văn phòng Công ty	2.756.165.001	4.206.158.238
Phải trả người bán tại Xí nghiệp dịch vụ	2.863.156.091	2.983.172.675
Phải trả người bán Xí nghiệp công trình	-	130.537.000
Phải trả người bán tại Xí nghiệp cơ khí	62.023.798	153.763.962
Cộng	5.681.344.890	7.473.631.875

17. Người mua trả tiền trước

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Khách hàng tại Văn phòng	1.484.878.965	1.053.073.706
Khách hàng tại Xí nghiệp dịch vụ	74.780.825	42.598.124
Khách hàng tại Xí nghiệp công trình	190.000.000	-
Khách hàng tại Xí nghiệp cơ khí	40.000.000	-
Cộng	1.789.659.790	1.095.671.830

18. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Số cuối kỳ
Thuế GTGT hàng bán nội địa	661.941.069	6.620.929.774	(6.490.311.417)	792.559.426
Thuế thu nhập doanh nghiệp	870.971.916	5.104.422.373	(3.310.473.445)	2.664.920.844
Thuế thu nhập cá nhân	(37.538.845)	4.818.704.986	(4.792.465.311)	(11.299.170)
Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	-	126.990.136	(126.990.136)	-
Tiền thuế đất	2.440.287.597	-	(1.904.851.971)	535.435.626
Các loại thuế khác	6.979.905	8.126.278	(15.106.183)	-
Cộng	3.942.641.642	16.679.173.547	(16.640.198.463)	3.981.616.726

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG QUY NHƠN

Địa chỉ: 02 đường Phan Chu Trinh – Thành phố Quy Nhơn – Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Thuế nộp thừa được trình bày ở chi tiêu Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước (Xem thuyết minh số V.8)

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

Các dịch vụ phục vụ cho tàu vận tải quốc tế	0%
Dịch vụ cấp nước	5%
Dịch vụ hàng hải, bốc xếp, cho thuê kho thuê bãi, cẩu, dịch vụ khác	10%

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 22%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Kỳ này	Kỳ trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	24.244.113.955	-
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	(1.042.194.084)	-
- Các khoản điều chỉnh tăng	157.059.658	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	(1.199.253.742)	-
Thu nhập tính thuế	23.201.919.871	-
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	22%	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	5.104.422.372	-

Tiền thuê đất

Công ty phải nộp tiền thuê đất đối với các diện tích đất sử dụng như sau:

Thửa đất	Diện tích (m ²)
96-04/HĐ-TĐ	213.183,90
149-02/HĐ-TĐ	4.198,20
96-04/HĐ-TĐ	29.116,50
96-04/HĐ-TĐ	6.858,80
38/2007/HĐ-TĐ	38.824,40
Cộng	292.181,80

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

19. Phải trả người lao động

Là số dư quỹ lương còn phải trả cho cán bộ công nhân viên.

20. Chi phí phải trả

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí vận chuyển	16.014.632.115	11.150.255.762
Chi phí thuê thùng	721.365.400	1.084.286.864
Chi phí khác	48.346.000	917.181.190
Cộng	16.784.343.515	13.151.723.816

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG QUY NHƠN

Địa chỉ: 02 đường Phan Chu Trinh – Thành phố Quy Nhơn – Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

21. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Kinh phí công đoàn	135.443.757	84.173.307
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	260.956.864	307.559.544
Phải trả về cổ phần hóa	-	11.558.745.684
Thuế TNCN tạm thu nhân viên	1.000.036.944	6.826.619.383
Cộng	<u>1.396.437.565</u>	<u>18.777.097.918</u>

22. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng khác</u>	<u>Chi quỹ trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Quỹ khen thưởng	2.395.820.762	-	(89.807.999)	2.306.012.763
Quỹ phúc lợi	1.397.235.088	2.475.599	(360.780.000)	1.038.930.687
Cộng	<u>3.793.055.850</u>	<u>2.475.599</u>	<u>(450.587.999)</u>	<u>3.344.943.450</u>

23. Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	<u>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</u>	<u>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</u>	<u>Cộng</u>
Số dư đầu năm trước	-	-	-
Số nhận bàn giao	404.099.500.000	-	404.099.500.000
Lợi nhuận trong năm trước	-	2.606.468.678	2.606.468.678
Tăng khác	-	1	1
Số dư cuối năm trước	<u>404.099.500.000</u>	<u>2.606.468.679</u>	<u>406.705.968.679</u>
Số đầu năm	404.099.500.000	2.606.468.679	406.705.968.679
Lợi nhuận tăng trong kỳ	-	19.139.691.582	19.139.691.582
Số dư cuối kỳ này	<u>404.099.500.000</u>	<u>21.746.160.261</u>	<u>425.845.660.261</u>

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Tình hình góp vốn điều lệ tại ngày 30 tháng 06 năm 2014 như sau:

	<u>Vốn góp</u>	<u>Tỷ lệ (%)</u>
Cổ đông		
Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam	303.122.620.000	75,01
Công ty Cổ phần Đầu tư và Khoáng sản Hợp Thành	50.339.240.000	12,46
Các cổ đông khác	50.637.640.000	12,53
Cộng	<u>404.099.500.000</u>	<u>100,00</u>

Cổ phiếu

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	40.909.950	40.909.950
Số lượng cổ phiếu đã bán ra	40.909.950	40.909.950
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	40.909.950	40.909.950
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.		

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG QUY NHƠN

Địa chỉ: 02 đường Phan Chu Trinh – Thành phố Quy Nhơn – Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

24. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công

Là tài sản cố định không dùng, chờ bàn giao cho chủ sở hữu theo biên bản xác định giá trị doanh nghiệp ngày 31 tháng 03 năm 2013.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

1. Doanh thu

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu	246.216.376.659	-
- Doanh thu bán hàng hóa	20.754.263.342	-
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	225.462.113.317	-
Các khoản giảm trừ doanh thu:	(605.041.864)	-
- Hàng bán bị trả lại	(605.041.864)	-
Doanh thu thuần	245.611.334.795	-
Trong đó:		
- Doanh thu thuần bán hàng hóa	20.754.263.342	-
- Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	224.857.071.453	-

2. Giá vốn hàng bán

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hàng hóa đã cung cấp	31.437.558.137	-
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp (*)	168.223.406.505	-
Cộng	199.660.964.642	-

(*) Chi tiết chi phí sản xuất hoạt động dịch vụ đã cung cấp như sau:

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên vật liệu	15.708.022.948	-
Chi phí nhân công	57.055.962.308	-
Chi phí khấu hao tài sản cố định	29.515.481.236	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	62.521.276.549	-
Chi phí nguyên vật liệu	3.422.663.464	-
Cộng	168.223.406.505	-

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	675.118.706	-
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	100.174.692	-
Lãi cho vay	7.777.778	-
Cổ tức, lợi nhuận được chia	1.056.367.548	-
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	112.503.142	-
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	142.886.194	-
Cộng	2.094.828.060	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG QUY NHƠN

Địa chỉ: 02 đường Phan Chu Trinh – Thành phố Quy Nhơn – Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

4. Chi phí tài chính

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi mua hàng trả chậm	86.576.444	-
Lỗi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	52	-
Cộng	86.576.496	-

5. Chi phí bán hàng

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	4.630.441.096	-
Chi phí bằng tiền khác	2.148.707.707	-
Cộng	6.779.148.803	-

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	12.410.221.734	-
Chi phí vật liệu, công cụ	1.739.488.600	-
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.258.499.809	-
Thuế phí, lệ phí	133.162.136	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.480.795.768	-
Chi phí bằng tiền khác	365.959.365	-
Cộng	18.388.127.412	-

7. Thu nhập khác

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Thu từ nhượng bán vật tư	138.312.727	-
Thu tiền điện, nước	376.850.322	-
Thưởng giải phòng tàu nhanh	1.067.556.465	-
Thu nhập khác	694.065.728	-
Cộng	2.276.785.242	-

8. Chi phí khác

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí bị phạt, bị truy thu theo biên bản kiểm tra thuế	61.059.658	-
Chi phí khác	762.957.131	-
Cộng	824.016.789	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG QUY NHƠN

Địa chỉ: 02 đường Phan Chu Trinh – Thành phố Quy Nhơn – Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	19.139.691.583	-
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	19.139.691.583	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	40.909.950	-
Cộng	468	-

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ được tính như sau:

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	40.909.950	-
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông mua lại	-	-
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành	-	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	40.909.950	-

10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	17.447.511.548	-
Chi phí nhân công	74.096.625.138	-
Chi phí khấu hao tài sản cố định	30.773.981.045	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	65.002.072.317	-
Chi phí khác	6.070.492.672	-
Cộng	193.390.682.720	-

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Thực hiện văn bản số 1636/BGTVT-QLDN ngày 19/02/2014 của Bộ Giao thông Vận tải về việc chỉ đạo Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam bán tiếp cổ phần nhà nước tại Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn theo chủ trương của Thủ tướng Chính phủ tại văn bản số 747/TTg-ĐMDN ngày 27/05/2013, Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam sẽ chuyển nhượng phần vốn đầu tư để giảm tỷ lệ vốn đầu tư từ 75,01% xuống còn 49% vốn điều lệ. Hiện tại, Công ty đang thực hiện những thủ tục cần thiết để tiến hành chuyển nhượng vốn theo quy định.

Ngoài sự kiện nêu trên, Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào xảy ra sau ngày 30 tháng 06 năm 2014 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG QUY NHƠN

Địa chỉ: 02 đường Phan Chu Trinh – Thành phố Quy Nhơn – Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

2. Giao dịch với bên liên quan

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: Ban Tổng Giám đốc, kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng trong 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 1.412.766.645 VND.

Giao dịch với các bên liên quan khác

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam	Công ty mẹ - nắm giữ 75,01% vốn điều lệ Công ty
Công ty Cổ phần Tân Cảng Quy Nhơn	Góp vốn đầu tư với tỷ lệ góp vốn là 16,8%

Các nghiệp vụ phát sinh trong năm giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam		
Lãi tiền cho vay	7.777.776	-
Công ty Cổ phần Tân Cảng Quy Nhơn		
Tiền thuê bãi phát sinh trong năm	14.748.298.452	-
Thanh toán tiền thuê bãi	12.840.340.940	-

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với các bên liên quan khác như sau:

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam				
Phải thu tiền gốc vay (xem thuyết minh V.2)	10.000.000.000		10.000.000.000	
Phải thu lãi tiền vay (xem thuyết minh V.5)	2.123.333.334		2.115.555.556	
Cộng nợ phải thu	12.123.333.334		12.115.555.556	
Công ty Cổ phần Tân Cảng Quy Nhơn				
Phải trả tiền thuê bãi	1.907.957.512		1.846.731.874	
Cộng nợ phải trả	1.907.957.512		1.846.731.874	

3. Quản lý rủi ro tài chính

Tổng quan

Hoạt động của Công ty phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập. Việc quản lý rủi ro được thực hiện chủ yếu bởi Phòng Kế toán – Tài chính theo các chính sách và các thủ tục đã được Ban Tổng Giám đốc phê duyệt.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng, tiền gửi ngân hàng, cho vay.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG VIỆT NAM

Địa chỉ: 02 đường Phan Chu Trinh – 1 hành phố Quy Nhơn – Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chi giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, yêu cầu mở thư tín dụng hoặc có tài sản đảm bảo đối với các đơn vị giao dịch lần đầu hay chưa có thông tin về khả năng tài chính. Ngoài ra, nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

Khoản phải thu khách hàng của Công ty liên quan đến nhiều đơn vị và cá nhân nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và không có kỳ hạn của Công ty được gửi tại các ngân hàng có uy tín do vậy rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Các khoản cho vay

Công ty cho chủ sở hữu là Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam vay tiền. Đơn vị này có uy tín và khả năng thanh toán tốt nên rủi ro tín dụng đối với các khoản cho vay là thấp.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính (xem thuyết minh số VII.4 về giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính).

Bảng phân tích về thời gian quá hạn và giảm giá của các tài sản tài chính như sau:

	<u>Chưa quá hạn hay chưa bị giảm giá</u>	<u>Chưa quá hạn nhưng bị giảm giá</u>	<u>Đã quá hạn nhưng không giảm giá</u>	<u>Đã quá hạn và/hoặc bị giảm giá</u>	<u>Cộng</u>
Số cuối kỳ					
Tiền và các khoản tương đương tiền	48.929.794.209	-	-	-	48.929.794.209
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	12.200.000.000	-	-	-	12.200.000.000
Phải thu khách hàng	72.117.087.814	-	-	2.734.863.982	74.851.951.796
Các khoản cho vay	10.000.000.000	-	-	-	10.000.000.000
Các khoản phải thu khác	2.367.453.334	-	-	-	2.367.453.334
Cộng	145.614.335.357	-	-	2.734.863.982	148.349.199.339
Số đầu năm					
Tiền và các khoản tương đương tiền	31.674.673.767	-	-	-	31.674.673.767
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	5.700.000.000	-	-	-	5.700.000.000
Phải thu khách hàng	57.872.818.226	-	-	2.734.863.982	60.607.682.208
Các khoản cho vay	10.000.000.000	-	-	-	10.000.000.000
Các khoản phải thu khác	8.876.959.716	-	-	-	8.876.959.716
Cộng	114.124.451.709	-	-	2.734.863.982	116.859.315.691

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền cũng như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG QUY NHƠN

Địa chỉ: 02 đường Phan Chu Trinh – Thành phố Quy Nhơn – Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phái sinh (bao gồm cả lãi phải trả) dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng và chưa được chiết khấu có thời hạn từ 1 năm trở xuống như sau:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả cho người bán	5.681.344.890	7.473.631.875
Các khoản phải trả khác	16.784.343.515	24.710.469.500
Cộng	22.465.688.405	32.184.101.375

Ban Tổng Giám đốc cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn trong vòng 12 tháng có thể được gia hạn với các bên cho vay hiện tại.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Công ty gồm: rủi ro ngoại tệ và rủi ro giá nguyên vật liệu.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty quản lý rủi ro liên quan đến biến động của tỷ giá hối đoái bằng cách tối ưu thời hạn thanh toán các khoản nợ, dự báo tỷ giá ngoại tệ, lựa chọn thời điểm mua và thanh toán các khoản ngoại tệ tại thời điểm tỷ giá thấp, sử dụng tối ưu nguồn tiền hiện có để cân bằng giữa rủi ro tỷ giá và rủi ro thanh khoản.

Tài sản thuần có gốc ngoại tệ của Công ty như sau:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền và các khoản tương đương tiền	154.057,31	153.870,53
Phải thu khách hàng	594.789,80	720.062,03
Tài sản thuần có gốc ngoại tệ	748.847,11	873.932,56

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của tỷ giá hối đoái đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty là không đáng kể do tài sản thuần có gốc ngoại tệ có giá trị nhỏ.

Rủi ro về giá nguyên vật liệu

Công ty có rủi ro về sự biến động của giá nguyên vật liệu. Công ty quản lý rủi ro về giá nguyên vật liệu bằng cách theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch sản xuất và mức hàng tồn kho một cách hợp lý.

4. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

Tài sản tài chính

	Giá trị ghi sổ				Giá trị hợp lý	
	Số cuối kỳ		Số đầu năm		Số cuối kỳ	Số đầu năm
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng		
Tiền và các khoản tương đương tiền	48.929.794.209	-	31.674.673.767	-	48.929.794.209	31.674.673.767
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	12.200.000.000	-	5.700.000.000	-	12.200.000.000	5.700.000.000
Phải thu khách hàng	74.851.951.796	(1.514.601.416)	60.607.682.208	(1.514.601.416)	73.337.350.380	59.093.080.792
Các khoản cho vay	10.000.000.000	-	10.000.000.000	-	10.000.000.000	10.000.000.000
Các khoản phải thu khác	2.367.453.334	-	8.876.959.716	-	2.367.453.334	8.876.959.716
Cộng	148.349.199.339	(1.514.601.416)	116.859.315.691	(1.514.601.416)	146.834.597.923	115.344.714.275

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG QUỲ NHƠN

Địa chỉ: 02 đường Phan Chu Trinh – Thành phố Quy Nhơn – Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Nợ phải trả tài chính

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả người bán	5.681.344.890	7.473.631.875	5.681.344.890	7.473.631.875
Các khoản phải trả khác	16.784.343.515	24.710.469.500	16.784.343.515	24.710.469.500
Cộng	22.465.688.405	32.184.101.375	22.465.688.405	32.184.101.375

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính:

- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác, vay, phải trả người bán và các khoản phải trả khác ngắn hạn tương đương giá trị sổ sách (đã trừ dự phòng cho phần ước tính có khả năng không thu hồi được) của các khoản mục này do có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác, vay, phải trả người bán và các khoản phải trả khác dài hạn, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán và không có giá giao dịch do 3 công ty chứng khoán công bố được ước tính bằng cách chiết khấu dòng tiền với lãi suất áp dụng cho các khoản nợ có đặc điểm và thời gian đáo hạn còn lại tương tự.

Công ty chưa thực hiện đánh giá chính thức các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của các tài sản tài chính này không có sự khác biệt trọng yếu so với giá trị ghi sổ.

Quy Nhơn, ngày 25 tháng 08 năm 2014



Nguyễn Kim Toàn
Người lập biểu



Nguyễn Kim Toàn
Quyền Kế toán trưởng



Nguyễn Hữu Phúc
Tổng Giám đốc